

Bản án số: 104/2024/HS-ST
Ngày 23 – 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Lại Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Bình, bà Lèo Thị Chan

- Thư ký Phên tòa: Bà Quàng Hồng Nết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia Phên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2024/TLST-HS ngày 22/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HS ngày 01/4/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng P, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/7/1953 tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn Ph (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1988); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023 đến ngày 25/12/2023, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2023 đến nay; Có mặt tại Phên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Đội 4, Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Cháu Vũ Khang N, sinh năm 2006; chị Nguyễn Thị Thanh Ph; sinh năm 1984. Người đại diện hợp pháp cho cháu Vũ Khang N: chị Nguyễn Thị Thanh Ph. Đều trú tại: Tiểu khu 32, xã Cò Nòi, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Cháu Nguyễn Đình Ngh, sinh năm 2007; chị Trịnh Thị N, sinh năm 1972; Người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Đình Ngh: Chị Trịnh Thị

N. Điều trú tại: Xóm 10, tiểu khu 32, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Trung D; sinh năm 1983; địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tiểu khu Nà Sản, xã Chiềng M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Cháu Đinh Nhật Kh, sinh năm 2007; Người đại diện theo pháp luật: chị Nguyễn Thị Minh Xa, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng P đăng ký kinh doanh và cung cấp dịch vụ cầm đồ, dịch vụ cứu trợ tài chính khẩn cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 24G80001752 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 02/02/2007 ở nhà tại địa chỉ: số 487, tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Trong quá trình kinh doanh, Ph thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể:

1. Trường hợp của anh Nguyễn Đình B, trú tại Đội 4, thôn Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng M, huyện M, tỉnh Sơn La

Ngày 09/11/2023, Nguyễn Đình B được Phạm Hồng Q giới thiệu đến cơ sở kinh doanh cầm đồ của Nguyễn Hồng P tại số nhà 487, tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La để thế chấp xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA HILUX BKS 26C - 132.37 vay số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi kiểm tra giấy tờ xe, xe ô tô là của Nguyễn Đình B mua lại của anh Vũ Tùng Lâm, sinh năm 2002, trú tại tiểu khu 4, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (là người đứng tên giấy đăng ký xe) Ph đồng ý nhận thế chấp để cho Bình vay 300.000.000 đồng trong 15 ngày kể từ ngày 09/11/2023 đến 23/11/2023 và thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, thống nhất thời hạn cho vay là 15 ngày. Ph đã cung cấp cho Bình tài khoản của Nguyễn Thị H (là vợ Ph) có số tài khoản 4110641884 mở tại ngân hàng BIDV để Bình chuyển tiền lãi.

Bình chuyển tiền lãi của 15 ngày như đã thỏa thuận với số tiền 22.500.000 đồng từ tài khoản số 9377750090 của Bình mở tại ngân hàng Vietcombank. Sau đó Nguyễn Hồng P đã nhờ Nguyễn Thị H xem tiền đã chuyển đến tài khoản chưa và được Hà xác nhận tài khoản của bà Hà đã nhận được 22.500.000 đồng do Bình chuyển.

Đến ngày 23/11/2023, do chưa có tiền thanh toán khoản vay nên Bình gọi điện cho Ph đề nghị được kéo dài thời gian vay thêm 15 ngày nữa và được Ph đồng ý nên Bình đã tiếp tục chuyển khoản cho Ph số tiền lãi trong 15 ngày tiếp theo là 22.500.000 đồng từ tài khoản của mình đến tài khoản số 4110641884 của

Nguyễn Thị H và bà Hà cũng thông báo cho Ph về việc tài khoản của Hà đã nhận được 22.500.000 đồng do Bình chuyển đến.

Ngày 16/12/2023, Bình đến thanh toán số tiền vay để lấy xe về, khi Ph đang tính số tiền lãi trong 38 ngày (kể từ ngày 09/11/2023) với số tiền 57.000.000 đồng trong đó Ph đã nhận được tiền lãi trong 30 ngày với tổng số tiền 45.000.000 đồng còn 12.000.000 đồng tiền lãi của 08 ngày còn lại chưa thanh toán thì đã bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Sơn La phát hiện lập biên bản về hành vi cho vay lãi nặng của Ph.

2. Trường hợp của Vũ Khang N, sinh năm 2006, trú tại tiểu khu 32, xã Cò Nòi huyện M, tỉnh Sơn La.

Ngày 15/12/2023, Vũ Khang N, sinh năm 2006, hỏi vay tiền của Nguyễn Đình Nghĩa, sinh năm: 2007, thường trú tại tiểu khu 32, xã Cò Nòi, huyện M, tỉnh Sơn La (là học sinh lớp 11 trường Trung học phổ thông Mai Sơn, huyện M) nhưng Nghĩa không có nên đồng ý cho Ninh mượn chiếc xe máy biển kiểm soát 60AA-195.74 (là tài sản của Trịnh Thị Huyền, cho Nghĩa sử dụng làm phương tiện đi học) để cầm cố vay tiền. Sau khi đặt vấn đề với Nguyễn Hồng P, Ph cho Ninh vay số tiền 2.800.000đ, thời hạn là 04 ngày kể từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023 với lãi suất 100.000đ/2.800.000đ/4 ngày tương đương 325,89%/năm. Ph và Ninh thống nhất thanh toán luôn tiền lãi bằng hình thức khấu trừ từ số tiền cho vay. Cùng ngày Ph chuyển cho Ninh số tiền 2.700.000đ từ tài khoản của Nguyễn Thị H đến tài khoản ngân hàng Viettinbank số 107879552149 của Đinh Nhật Kh, trú tại Tiểu khu 18, thị trấn H, huyện M, tỉnh S (bạn đi cùng Ninh).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự “trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay” như vậy: (1) trường hợp Nguyễn Đình B: Tiền thu lãi hợp pháp là $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 38 \text{ ngày} = 6.246.575 \text{ đồng}$. Số tiền Nguyễn Hồng P thu lợi bất chính là $57.000.000 \text{ đồng} - 6.246.575 \text{ đồng} = 50.753.425 \text{ đồng}$ (đã thu 40.068.494 đồng; phải thu 10.684.931 đồng). (2) Trường hợp Vũ Khang N: Tiền thu lãi hợp pháp là $2.800.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 4 \text{ ngày} = 6.137 \text{ đồng}$. Tiền Nguyễn Hồng P thu lợi bất chính là $100.000 \text{ đồng} - 6.137 \text{ đồng} = 93.863 \text{ đồng}$.

Ông Nguyễn Đình B thấy Nguyễn Hồng P tính tiền lãi suất quá cao và không còn khả năng trả nợ nên sau ngày 14/12/2023 anh Bình không tiếp tục thực hiện trả nợ gốc và lãi. Ngày 14/12/2023, anh Bình làm đơn tố giác Nguyễn Hồng P về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với Nguyễn Thị H, quá trình điều tra xác định: Do tài khoản cá nhân của Ph tại Ngân hàng có giao diện khó sử dụng nên Ph chỉ duy trì nhận lương, chủ yếu các giao dịch chuyển tiền đều sử dụng tài khoản số 4110641884 tại Ngân hàng BIDV của Nguyễn Thị H. Bà Hà không biết, không tham gia các nội dung liên quan đến việc cho vay, thỏa thuận vay và lãi suất vay giữa Ph và Bình. Do vậy không có căn cứ quy kết Nguyễn Thị H đồng phạm với Nguyễn Hồng P.

Số tiền 353.300.000đ thu giữ trong vụ án gồm: 300.000.000đ tiền thu giữ

của Nguyễn Đình B khi đang tất toán khoản tiền gốc vay của Nguyễn Hồng P; 2.800.000đ tiền người đại diện hợp pháp của Vũ Khang N, chị Nguyễn Thị Thanh Ph giao nộp; 45.000.000đ tiền anh Nguyễn Trung D nộp tiền lãi bị cáo đã thu của Nguyễn Đình B; 5.500.000đ tiền thu giữ khi khám xét nhà của Nguyễn Hồng P.

Do có hành vi nêu trên, Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 22/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Nguyễn Hồng P về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

** Tại Phên tòa sơ thẩm:*

Bị cáo Nguyễn Hồng P thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng P phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Cấm hành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ ấn định một thời gian phù hợp.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Hồng P phải trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

** Về xử lý vật chứng:*

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 sổ tiết kiệm mã 0016945 mang tên Nguyễn Thị H có số tiền gửi là 12.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng P: 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Hồng P số BC012279 có số tiền gửi 140.000.000 đồng; 01 sổ góp vốn mang tên Nguyễn Hồng P số 0543991 có số tiền 109.870.000 đồng; 05 giấy vay tiền của Lường Thị Dung, Lò Trung Sơn, Lò Văn Thủy, Lò Thị Hà, Lò Văn Thủy cho bị cáo Nguyễn Hồng P; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 24G80001752 mang tên Nguyễn Hồng P; ngành nghề kinh doanh: dịch vụ cầm đồ; giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT số 33/GCN do Công an huyện M cấp ngày 01/12/2018; giấy cam kết thực hiện đảm bảo ANTT trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh lập ngày 17/7/2014 của Nguyễn Hồng P

- Trả lại cho chị Trịnh Thị N 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI, loại RiRus, biển kiểm soát 60AA-195.74, kèm 01 đăng ký mô tô mang tên Trịnh Thị Huyền.

- Đối với số tiền 353.300.000đ (ba trăm năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng: Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 302.700.000đ là số tiền ông Ph cho Nguyễn Đình B và Vũ Khang N vay + tiền lãi đã thu của Bình và Ninh là 4.929.000đ và 6.126 đ; hoàn trả số tiền thu lợi bất chính đã trả ông Ph là

40.071.000 đ cho ông Nguyễn Đình B và 93.874 đ cho chị Nguyễn Thị Thanh Ph là người đại diện theo pháp luật của cháu Vũ Khang N; số tiền 5.500.000 đồng giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Hồng P trả lại cho bị cáo.

+ Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím cơ, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6 vỏ màu xám mang tên Nguyễn Hồng P.

- Về án phí: Đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H: Đề nghị xin lại điện thoại di động và sổ tiết kiệm đã thu giữ trong vụ án vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Phên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia Phên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng anh Phạm Hồng Q không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[3.1] Tại Phên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người vay tiền và các đối tượng khác liên quan đến việc cho vay, phù hợp với sao kê tài khoản ngân hàng, dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi trên điện thoại của bị cáo và những người liên quan. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian từ ngày 09/11/2023 đến ngày 16/12/2023, bị cáo đã 02 lần cho vay lãi nặng:

- Lần 1: Cho ông Nguyễn Đình B vay 300.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ngày = 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lợi bất chính: $300.000.000 \times 38 \text{ ngày} \times (162,5\%/365) = 50.753.425$ đồng, thực tế đã thu 45.000.000 đồng.

- Lần 2: Cho cháu Vũ Khang N vay 2.800.000 đồng với mức lãi suất

100.000 đồng/2,8 triệu/4 ngày = 325,89%/năm, gấp 16,29 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lợi bất chính: 2.800.000 đồng x 4 ngày x (305,89%/365) = 93.863 đồng.

- Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 50.847.288 đồng.

[3.2] Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi nên bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự: *“Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”*.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại Phên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra (tự nguyện nộp lại số tiền lãi thu của Nguyễn Đình B 45.000.000 đồng); bị cáo là người trên 70 tuổi, đã được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý tiền tệ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Nhà nước và xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có 05 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo là người cao tuổi, có nơi cư trú rõ ràng do vậy Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp đảm bảo tính giáo dục, răn đe, phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại Phên tòa.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Xét thấy cần ấn định thời gian cấm hành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ đối với bị cáo Nguyễn Hồng P thời hạn 05 (năm) năm là hình phạt bổ sung đối với bị cáo; xét bị cáo là người cao tuổi đã hết tuổi lao động nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ theo Điều 5 Nghị quyết 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, việc xử lý các khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm như sau:

[6.1] Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay, gồm:

- Số tiền bị cáo dùng để cho anh Bình và cháu Ninh vay: 300.000.000 đồng + 2.800.000 đồng = 302.800.000 đồng.

- Số tiền lãi đã thu của anh Bình tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm): 300.000.000 đồng x 30 ngày x (20%/365) = 4.931.507 đồng.

- Số tiền lãi đã thu của cháu Ninh tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm): 2.800.000 đồng x 4 ngày x (20%/365) = 6.137 đồng.

Tổng số tiền tịch thu sung quỹ Nhà nước là 307.737.644 đồng.

[6.2] Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu (bằng số tiền lãi đã thu trừ đi số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự), gồm:

- Trả lại cho anh Bình: 45.000.000 đồng - 4.931.507 đồng = 40.068.493 đồng.

- Trả lại cho cháu Ninh: 100.000 đồng - 6.137 đồng = 93.863 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng

- Số tiền 302.800.000 đồng là tiền gốc anh Bình và cháu Ninh vay của bị cáo, xét thấy đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 45.000.000đ là tiền Nguyễn Trung D nộp là tiền lãi bị cáo đã nhận của Bình và 5.500.000 đồng thu tại nhà của bị cáo, xét thấy cần xử lý như sau:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay: Anh Bình là 4.931.507 và cháu Ninh là 6.137 đồng.

+ Trả lại cho người vay khoản thu lợi bất chính gồm: Trả lại cho anh Bình 40.068.493 đồng và cháu Ninh 93.863 đồng.

+ Số tiền thừa còn lại là 45.000.000 + 5.500.000 - 40.162.356 - 4.937.644 = 5.400.000 đồng. Đây là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể mang tên Nguyễn Hồng P xét thấy cần tịch thu tiêu hủy do bị cáo bị cấm hành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn 05 (năm) năm.

- Đối với 01 sổ tiết kiệm mã 0016945 mang tên Nguyễn Thị H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

- Đối với 01 sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Hồng P số BC012279; 01 (Một) quyển sổ góp vốn mang tên Nguyễn Hồng P; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; 01 giấy cam kết thực hiện đảm bảo an ninh trật tự trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh; 01 tờ giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ

phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: xét thấy các giấy tờ này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng P.

- Đối với 05 giấy vay tiền của Lương Thị Dung, Lò Trung Sơn, Lò Văn Thuỷ, Lò Thị Hà, Lò Văn Thuỷ xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng P.

- Đối với 01 chiếc xe máy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI biển kiểm soát 60AA - 195.74 và giấy đăng ký mô tô mang tên Trịnh Thị Huyền xét đây là tài sản của chị Huyền cho chị Ninh sử dụng do vậy cần trả lại cho chị Trịnh Thị N.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone: Đây là tài sản của bà Nguyễn Thị H. Bị cáo giao dịch số tiền lãi qua tài khoản cài đặt trên điện thoại của bà Nguyễn Thị H, bà Hà không biết do vậy cần trả lại cho bà Hà.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bàn phím cơ, vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu xám mang tên Nguyễn Hồng P: Xét thấy bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc liên quan đến hành vi phạm tội do vậy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng P là người cao tuổi do vậy được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, o, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng P phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 10 ngày tạm giữ, tạm giam (từ 16/12/2023 đến 25/12/2023) bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện M nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng P cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo; trường hợp thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo khoản 2 Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

- Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Cấm hành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ đối với bị cáo Nguyễn Hồng P với thời hạn là 05 (năm) năm.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Số tiền 353.300.000 đồng được chuyển vào tài khoản 3949.0.1054135 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La tại Kho bạc nhà nước Sơn La theo ủy nhiệm chi số 252 ngày 14/3/2024 xử lý như sau:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 307.737.644đ (*ba trăm linh bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*).

+ Trả lại số tiền 40.068.493đ (*bốn mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*) cho anh Nguyễn Đình B.

+ Trả lại số tiền 93.863đ (*chín mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng*) cho cháu Vũ Khang N, người đại diện theo pháp luật chị Nguyễn Thị Thanh Ph;

+ Trả lại Số tiền 5.400.000 đ (*năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) cho bị cáo Nguyễn Hồng P.

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 (Một) Tờ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 24G80001752 mang tên Nguyễn Hồng P, ngành nghề kinh doanh: dịch vụ cầm đồ.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím cơ, vỏ màu đen, gắn kèm 01 sim, qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Hồng P). Tại thời điểm giao nhận không kiểm tra được thông tin, Imei, sê ri và tình trạng hoạt động của điện thoại do đã hết pin, không bật được nguồn; Hai bên giao, nhận đã niêm phong chiếc điện thoại kèm sim vào 01 phong bì để bảo quản theo quy định.

+ 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu xám, pin đã bị phồng rộp, bên trong gắn kèm 01 sim, qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Hồng P). Tại thời điểm giao nhận không kiểm tra được thông tin, Imei, sê ri và tình trạng hoạt động của điện thoại do đã hết pin, không bật được nguồn; Hai bên giao, nhận đã niêm phong chiếc điện thoại kèm sim vào 01 phong bì để bảo quản theo quy định.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng P:

+ 01 (Một) Tờ giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT số 33/GCN do Công an huyện M cấp ngày 01/12/2018.

+ 01 (Một) Tờ giấy cam kết thực hiện đảm bảo ANTT trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh lập ngày 17/07/2014 của Nguyễn Hồng P.

+ 01 (Một) Tờ giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ số 0326964 do Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 26/8/2019 cho Nguyễn Hồng P

+ 01 (Một) thẻ tiết kiệm mang tên Nguyễn Hồng P số BC012279 có số

tiền gửi 140.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Quyền sở góp vốn mang tên Nguyễn Hồng P số 0543991 có số tiền 109.870.000 đồng.

+ 01 (Một) Tờ giấy vay tiền của Lương Thị Dung trong thời gian từ ngày 23/5/2023 đến ngày 23/5/2024, số tiền vay 10.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tờ giấy vay tiền của Lò Trung Sơn trong thời gian từ ngày 31/10/2023 đến ngày 31/10/2024, số tiền vay 10.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tờ giấy vay tiền của Lò Văn Thủy trong thời gian từ ngày 27/11/2023 đến ngày 27/11/2024, số tiền vay 10.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tờ giấy vay tiền của Lò Thị Hà trong thời gian từ ngày 21/5/2023 đến ngày 21/5/2024, số tiền vay 10.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tờ giấy vay tiền của Lò Văn Thủy trong thời gian từ ngày 01/10/2023 đến ngày 01/10/2024, số tiền vay 10.000.000 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H:

+ 01 (Một) Quyền sở tiết kiệm mã 0016945 mang tên Nguyễn Thị H có số tiền gửi là 12.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Chiếc phong bì thư còn nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max thu giữ của Nguyễn Thị H", mặt sau phong bì dán giấy niêm phong số 048743 của Công an tỉnh Sơn La, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của thành phần niêm phong và một hình dấu tròn đỏ của Phòng CSHS Công an tỉnh Sơn La (Bên trong phong bì niêm phong 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Pro max vỏ màu tím, kèm 01 sim điện thoại tạm giữ của Nguyễn Thị H).

- Trả lại cho chị Trịnh Thị N:

+ 01 (Một) Chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI, loại RIRUS, màu sơn: đen đồng, biển kiểm soát: 60AA-195.74, số khung: RMNFC BCN4LH001133, số máy: VHL139 FMBVTC001133, không có gương chiếu hậu bên phải, kèm theo 01 chìa khóa. Tại thời điểm giao, nhận không kiểm tra thiết bị, máy móc, bên trong và tình trạng hoạt động của xe; Hai bên giao, nhận đã niêm phong một số vị trí (phần đầu xe, thân xe, máy móc) chiếc xe để bảo quản theo quy định.

+ 01 (Một) giấy đăng ký mô tô, xe máy biển kiểm soát 60AA-195.74 mang tên Trịnh Thị Huyền.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2023 và ngày 21/03/2024 giữa bên giao là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La và bên nhận là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn

Hồng P.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 23/4/2024*). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại Phên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La;
- Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Phòng KTNV - THA;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu